

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 10/2023, kế hoạch hoạt động tháng 11/2023

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG THÁNG 10/2023:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của ngành.

1. Sản xuất công nghiệp:

Trong tháng, hoạt động sản xuất công nghiệp của tỉnh tiếp tục đà phục hồi và phát triển, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2023 tăng 10,12% so với tháng trước, tăng 17,22% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm ước tăng 5,76% so cùng kỳ.

Trong tháng, có **09/10** sản phẩm có sản lượng tăng so với tháng trước và **07/10** sản phẩm có sản lượng tăng so với cùng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng có **06/10** có sản lượng tăng và 04/10 có sản lượng giảm. Cụ thể một số sản phẩm chính như:

- Thủy sản chế biến: sản lượng chế biến tháng 10 ước đạt 40.733 tấn, tăng 7,87% so tháng trước và tăng 10,20% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 372.159 tấn, tăng 7,88% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 77,53% kế hoạch năm (KH năm 480.000 tấn).

- Gạo xay xát: sản lượng xay xát, lau bóng gạo tháng 10 ước đạt 182.000 tấn, tăng 8,32% so tháng trước và tăng 49,65% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 1.444.000 tấn, tăng 31,58% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 99,6% kế hoạch năm (KH năm 1.450.000 tấn).

- Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: sản lượng chế biến tháng 10 ước đạt 140.148 tấn, tăng 9,78% so tháng trước và tăng 10,63% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 1.316.981 tấn, tăng 1,21% so cùng kỳ năm 2022, đạt 68,75% kế hoạch năm (KH năm 1.750.000 tấn).

- May mặc: sản lượng sản xuất tháng 9 ước đạt 650 ngàn sản phẩm, tăng 8,51% so tháng trước và bằng 69,51% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 9 tháng đạt 6.245 ngàn sản phẩm, bằng 95,20% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 75,26% kế hoạch năm (KH năm 10.300 ngàn sản phẩm).

- Giày da: sản lượng sản xuất tháng 10 ước đạt 385 ngàn sản phẩm, tăng 4,26% so với tháng trước và tăng 12,57% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 3.429 ngàn sản phẩm, tăng 2,93% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 76,2% kế hoạch năm (KH năm 4.500 ngàn sản phẩm).

- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự: sản lượng chế biến tháng 10 ước đạt 1.769 tấn, tăng 0,79% so với tháng trước và tăng 3,31% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 18.343 tấn, bằng 85,10% so với cùng kỳ

năm 2022, và đạt 67,7% kế hoạch năm (KH năm 27.500 tấn).

- Thuốc viên các loại: sản lượng sản xuất tháng 10 ước đạt 251 triệu viên, tăng 90,63% so với tháng trước và tăng 80,82% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 1.653 triệu viên, tăng 35,4% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 94,47% kế hoạch năm (KH năm 1.750 triệu viên).

2. Điện năng tiêu thụ:

Sản lượng điện thương phẩm tháng 10 ước đạt 265 triệu kWh, tăng 4,53% so với tháng trước. Trong đó, điện phục vụ nông nghiệp ước đạt 31 triệu kWh, tăng 3,72% so với tháng trước; điện phục vụ công nghiệp ước đạt 113 triệu kWh, tăng 4,61 % so với tháng trước; điện phục vụ thương mại ước đạt 7,5 triệu kWh, tăng 6,05 % so với tháng trước, điện phục vụ sinh hoạt ước đạt 105 triệu kWh, tăng 4,74% so với tháng trước và điện phục vụ tiêu dùng khác ước đạt 8,5 triệu kWh, tăng 2,55% so với tháng trước.

Trong tháng, lượng điện cung ứng đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân và sản xuất của doanh nghiệp; không xảy ra tình trạng mất điện kéo dài. Công tác tuyên truyền tiết kiệm điện được liên tục và triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả về tiết kiệm năng lượng.

3. Hoạt động thương mại.

3.1. Thương mại nội địa:

Trong tháng, giá cả các mặt hàng thiết yếu ổn định, nguồn cung hàng hoá đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 10/2023 ước đạt 10.586 tỷ đồng, tăng 0,93% so với tháng trước và tăng 14,07% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 105.335 tỷ đồng, tăng 13,41% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 83,21% kế hoạch năm (KH năm 126.590 tỷ đồng).

3.2. Thương mại xuất nhập khẩu:

Trong tháng, xuất khẩu có tăng nhẹ so với tháng trước, nhưng vẫn giảm so cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (không tính tái xuất xăng dầu) tháng 10/2023 ước đạt 121,49 triệu USD, tăng 1,08% so với tháng trước và tăng 16,70% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 1.076,79 triệu USD, bằng 88,02% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 70,15% kế hoạch năm (KH năm 1.535 triệu USD).

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:

- Thủy sản đông lạnh: Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 58,41 triệu USD, tăng 1,31% so với tháng trước và bằng 96,38% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 534,39 triệu USD, bằng 68,01% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 53,44% so với kế hoạch năm (KH năm 1.000 triệu USD).

- Mặt hàng gạo: Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 35,17 triệu USD, tăng 0,35% so với tháng trước và tăng 78,83% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 265,56 triệu USD, tăng 41,38% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 114,47% so với mục hoạch năm (KH năm 232 triệu USD).

- Bánh phồng tôm: Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 1,29 triệu USD, tăng 2,19% so với tháng trước và bằng 83,68% so với tháng cùng kỳ năm

2022. Lũy kế 10 tháng đạt 10,64 triệu USD, bằng 67,96% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 48,34% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 22 triệu USD).

- Sản phẩm may: Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 12,35 triệu USD, tăng 1,72% so với tháng trước và bằng 90,66% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 10 tháng đạt 129,37 triệu USD, bằng 91,28% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 71,87% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 180 triệu USD).

Kim ngạch nhập khẩu tháng 10 ước đạt 75,34 triệu USD, tăng 1,09% so tháng trước và tăng 53,27% so với tháng cùng kỳ năm 2022; trong đó, xăng dầu ước đạt 24,03 triệu USD (tăng 1,02% so với tháng trước và bằng 88,48% so với tháng cùng kỳ năm 2022). Lũy kế 10 tháng, Kim ngạch nhập khẩu đạt 656,10 triệu USD, tăng 1,19% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 81% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 810 triệu USD).

II. Tình hình phát triển hạ tầng.

* *Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều*: Đã thi công hoàn thành gói thầu số 7 – Nhà máy xử lý nước thải tập trung, gói thầu số 05 – đường gom N2 và gói thầu số 06 – đường gom ĐT846.

* *Tình hình phát triển các dự án đầu tư sản xuất*: không thay đổi so với tháng trước.

Rà soát đến thời điểm báo cáo, toàn Tỉnh có 224 dự án của 187 doanh nghiệp, trong đó: 179 dự án đã hoàn thành (157 dự án hoạt động ổn định, 06 dự án hoạt động cầm chừng, 16 dự án tạm ngưng hoạt động); 18 dự án đang xây dựng; 27 dự án chuẩn bị đầu tư.

III. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

1. Về thực hiện Chương trình hành động của UBND Tỉnh theo Quyết định số 13/QĐ-UBND.

Tổng số nhiệm vụ được UBND Tỉnh giao tham mưu chủ trì thực hiện trong năm 2023: 10 nhiệm vụ.

Tiến độ thực hiện: đã hoàn thành **09** nhiệm vụ được giao (trong đó, 06 nhiệm vụ đã được ký ban hành; 03 nhiệm vụ đã hoàn chỉnh hồ sơ và trình UBND Tỉnh); 01 nhiệm vụ đang chờ Đề án phát triển ngành thương mại đến năm 2030 ký ban hành để làm cơ sở tham mưu thực hiện (hoàn thành sau 30 ngày ban hành Đề án).

2. Công tác xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện QLNN của ngành.

Hoàn chỉnh và trình UBND Tỉnh dự thảo Đề án Phát triển công nghiệp chế biến chuyên sâu kết hợp phát triển ngành công nghiệp chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; dự thảo đề cương Đề án xuất khẩu các sản phẩm chủ lực Tỉnh đến năm 2030 (Lần 2).

Rà soát, đề xuất nội dung thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực công thương. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý ngành Công Thương.

Phối hợp rà soát, cho ý kiến hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐND Tỉnh.

2.1. Về Công nghiệp

Tổng hợp, giải trình góp ý dự thảo Quyết định Ban hành Quy định về khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và trình UBND Tỉnh.

Trình UBND tỉnh xin chủ trương bổ sung nhiệm vụ phát triển điện vào Quyết định số 162/QĐ-UBND-HC ngày 25/02/2022 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành cung cấp điện trên địa bàn Tỉnh để kịp thời chỉ đạo, điều hành công tác cung cấp điện đảm bảo vận hành cung ứng điện tối ưu khi nguồn điện quốc gia xảy ra tình trạng thiếu điện. Tham mưu UBND Tỉnh góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII. Văn bản triển khai tăng cường công tác quản lý an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

Báo cáo chuyên đề "Kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Kết luận số 248-KL/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030". Gửi lấy ý kiến dự thảo Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Định An, huyện Lấp Vò; Hướng dẫn nhà đầu tư trình tự, thủ tục đầu tư CCN Định An.

Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục di dời đường dây 110kV Trần Quốc Toàn – An Long (đoạn từ trụ 63-trụ 72) thuộc dự án Đường trục Đ-03 (từ rạch Đốc Vàng Hạ đến đường Võ Văn Kiệt); kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình di dời đường dây trung, hạ thế và các trạm biến áp thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.855 đoạn thị trấn Tràm Chim – Hòa Bình.

2.2. Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp:

- *Hoạt động khuyến công:* tiếp tục tổ chức nghiệm thu đề án KCĐP đợt 1 (01 đơn vị)¹. Tính đến kỳ báo cáo, đã tổ chức nghiệm thu 8/12 đơn vị thụ hưởng đề án KCĐP đợt 1; tham mưu UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục đề án KCĐP xét hỗ trợ đợt 2.

- *Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:* Phối hợp với Phòng Kinh tế, Kinh tế-Hạ tầng huyện, thành phố rà soát, hướng dẫn hồ

¹ Công ty TNHH SX-TM thực phẩm Như Lan

sơ đăng ký tham gia bình chọn cấp Tỉnh năm 2023; Tổ chức đoàn tham gia Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Nam năm 2023 tại tỉnh Hậu Giang.

- *Hoạt động Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng*: triển khai nhiệm vụ Chương trình quốc gia và SDNLTK&HQ năm 2023: Đánh giá hiện trạng và thu thập số liệu sử dụng năng lượng và Phối hợp xây dựng các biểu mẫu, quy định, chính sách về hệ thống QLNL; Thẩm tra 02 công trình; thiết kế 01 công trình; Khảo sát thiết kế công trình điện chiếu sáng huyện Tháp Mười, huyện Thanh Bình.

2.3. Về thương mại

a/ Thương mại nội địa

Trình UBND Tỉnh dự thảo Công văn của Ủy ban nhân dân Tỉnh gửi Bộ Công Thương về tham gia góp ý dự thảo lần 4 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo. Đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh cho chủ trương tham gia Tuần lễ sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng các vùng, miền năm 2023.

Trình UBND dự thảo nội dung triển khai thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Gửi các đơn vị liên quan lấy ý kiến dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn và Quy định trình tự công nhận chợ đạt chuẩn văn minh, chợ đạt chuẩn nông thôn mới.

Tiếp và làm việc với đơn vị nhà phân phối về kết nối, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm ở trên địa bàn Tỉnh. Phối hợp các đơn vị liên quan khảo sát và trao đổi đề xuất phát triển hạ tầng thương mại khu vực cửa khẩu Quốc tế Thường Phước, huyện Hồng Ngự.

Triển khai khảo sát thu thập thông tin về tình hình ứng dụng thương mại điện tử (TMĐT) để đánh giá tình hình ứng dụng TMĐT trên địa bàn Tỉnh; Phối hợp Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cao Lãnh, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xương rà soát, lựa chọn, đề xuất doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình “Thí điểm xây dựng Mô hình xã thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức kinh tế tối ưu quá trình sản xuất và xúc tiến bán hàng online” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023.

Tổ chức Hội nghị phổ biến kiến thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng với Chủ đề: “Nâng cao năng lực thực thi pháp luật và ứng dụng các giải pháp trong lĩnh vực thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”; Hội nghị triển khai thực hiện Kế hoạch số 343/KH-UBND ngày 17/10/2022 của UBND Tỉnh về việc thực hiện nhân rộng mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm đến năm 2025 trên địa bàn Tỉnh.

b/ Thương mại xuất nhập khẩu, Hội nhập kinh tế quốc tế: trình dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách các thành viên Ban Chỉ đạo; Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Hội nhập quốc tế tỉnh Đồng Tháp. Tiếp và làm việc với doanh nghiệp thu mua nông sản. Thông tin về Hội

thảo “Giới thiệu Cộng đồng kinh tế ASEAN và các hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN mà Việt Nam tham gia”.

3. Công tác cải cách hành chính:

Rà soát, lập danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích lĩnh vực công thương (lần 2); Rà soát danh mục hồ sơ thực hiện kiểm thử TTHC trên Cổng dịch công quốc gia (lần 2); cung cấp tài liệu kiểm chứng chấm điểm Chỉ số CCHC; triển khai tăng cường thực hiện nghiêm quy định giải quyết TTHC tại đơn vị.

Trong tháng, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: đã tiếp nhận 2.116 hồ sơ. Tổng số hồ sơ trả tại Bộ phận một cửa: 3.008 hồ sơ. Tổng số hồ sơ trả tại Bộ phận một cửa: 2.980 (trả trước hạn: 2.980), hồ sơ đang thẩm định giải quyết: 28 hồ sơ.

4. Công tác thanh, kiểm tra:

Trong tháng, thành lập đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh năm 2023; kiểm tra việc thay thế công tơ cơ sang công tơ điện tử tại Công ty Điện lực Đồng Tháp.

Tham gia Đoàn kiểm tra kiểm tra thực tế tình hình thi hành pháp luật tại các huyện, thành phố trong tỉnh; kiểm tra về việc bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Tiếp công dân: 01 lượt. Trong đó, tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo Sở: 01 lượt (không có công dân đến). Tiếp nhận và xử lý: 02 đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong tháng, hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng; các ngành hàng chủ lực của Tỉnh duy trì sản xuất ổn định. Xuất khẩu gạo tiếp tục là điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu của Tỉnh với mức tăng trưởng hơn 70% so với cùng kỳ năm 2022. Nhờ vào nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường tiếp tục tăng trong khi nguồn cung gạo từ các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới như Ấn Độ, Pakistan tiếp tục hạn chế; xuất khẩu thủy sản đang dần ổn định trở lại sau khoảng thời gian gặp khó khăn, mặc dù kim ngạch còn giảm so với cùng kỳ nhưng có tăng nhẹ so với tháng trước.

B. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 11/2023:

1. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp; kế hoạch tuyên truyền thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công nghiệp; kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2023; kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2023.

2. Tham mưu UBND Tỉnh mưu UBND dự thảo Quy chế làm việc của Hội đồng, tiêu chí và mức điểm đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Định An, huyện Lấp Vò. Tiếp tục hỗ trợ, cung cấp thông tin, hướng dẫn nhà đầu tư khảo sát, lựa chọn địa điểm đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

3. Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành Hội nhập Quốc tế về Kinh tế tổ chức Hội nghị về hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Thực hiện Kế hoạch tổ chức Hội thảo “Nâng cao chuỗi giá trị và kết nối giao thương sản phẩm hoa kiểng” trong chuỗi hoạt động Festival Hoa - Kiểng Sa Đéc lần I năm 2023; Phối hợp triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thi “Thủ lĩnh Hội quán Đất Sen hồng” năm 2023. Tổ chức Cuộc thi thiết kế nhãn hiệu, bao bì sản phẩm tỉnh Đồng Tháp năm 2023; Tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức về phát triển và quản lý chợ; Hội nghị tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm.

5. Triển khai các hoạt động khuyến công: tiếp tục theo dõi tiến trình thực hiện của các đề án và tổ chức nghiệm thu các đề án đã được phê duyệt. Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp Tỉnh năm 2023. Tiếp tục triển khai các nội dung liên quan Chương trình mục tiêu quốc gia và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2023; Tiếp tục thực hiện kiểm toán năng lượng cho các đối tượng doanh nghiệp trên địa bàn. Thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền; các hoạt động tư vấn công nghiệp và Tiết kiệm năng lượng....

Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Vụ Kế hoạch (Bộ Công Thương);
- Cục Công tác phía Nam (BCT);
- Cục Công Thương địa phương (BCT);
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- BQL Khu kinh tế, TT xúc tiến TMDL&ĐT;
- Cty Điện lực Đồng Tháp, NHNN;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Các phòng KT, KT-HT;
- Lưu: VT, KHTCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Luận

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023				Năm 2022		So sánh (%)			
			Kế hoạch	TH tháng trước	Ước TH tháng BC	Lũy kế đến tháng BC	Thực hiện tháng BC	Lũy kế đến tháng BC	Tháng b/c so tháng trước	Cùng kỳ tháng BC	Lũy kế	Kế hoạch 2023
	- Thủy sản chế biến	Tr. USD	1,000	57.65	58.41	534.39	60.60	785.71	101.31	96.38	68.01	53.44
	- Gạo	"	232	35.05	35.17	265.56	19.67	187.83	100.35	178.83	141.38	114.47
	- Bánh phồng tôm và các SP từ ngũ cốc	"	22	1.27	1.29	10.64	0.88	15.65	101.97	147.29	67.96	48.34
	- Các sản phẩm ngành may	"	180	12.15	12.35	129.37	13.63	141.73	101.72	90.66	91.28	71.87
	- Hàng hóa khác	"	336	17.49	17.76	377.59	29.04	368.99	101.54	61.16	102.33	112.38
	Trong đó, Xăng dầu tái xuất	"	235	3.41	3.49	240.76	19.71	276.60	102.40	17.73	87.04	102.45
	<i>* Sản lượng sản phẩm xuất khẩu:</i>											
	- Thủy sản chế biến	Tấn	390,000	25,125	25,479	213,547	19,918	249,864	101.41	127.92	85.47	54.76
	- Gạo	Tấn	338,000	55,505	55,692	449,393	41,117	383,601	100.34	135.45	117.15	132.96
	- Bánh phồng tôm và các SP từ ngũ cốc	Tấn	14,000	853	870	7,229	587	10,084	101.99	148.21	71.69	51.64
2	<i>XK biên mậu qua biên giới</i>	Tr. USD	120.00	7.34	8.00	80.23	7.03	86.98	108.99	113.80	92.24	66.86
IV	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD	950.00	81.12	82.73	815.36	51.41	756.82	101.99	160.91	107.73	85.83
1	<i>Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu</i>	"	810.00	74.42	75.23	656.10	49.08	648.39	101.09	153.27	101.19	81.00
	<i>Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>											
	- Xăng dầu: Kim ngạch	Tr USD	340.00	23.79	24.03	338.37	27.16	317.29	101.02	88.48	106.64	99.52
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	350,000	25,029	25,283	411,768	28,335	295,392	101.02	89.23	139.40	117.65
	- Nguyên liệu SX tân dược	"	28.00	3.44	3.48	44.88	3.93	42.09	101.11	88.48	106.64	160.29
	- Nguyên liệu may, da giày	"	110.00	8.24	8.39	75.36	5.88	39.00	101.80	142.59	193.22	68.51
	- Hàng hoá khác	"	332.00	38.95	39.33	197.49	11.48	238.89	100.98	342.67	82.67	59.49
2	<i>NK biên mậu qua biên giới</i>	Tr.USD	140.00	6.70	7.50	159.26	2.33	108.43	111.94	230.86	91.13	113.76
V	Cung ứng điện năng											
	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.KWh	3,178	253.52	265.0	2,354.54	192.47	2,398.18	104.53	137.68	98.18	74.09
	TĐ: + Nông nghiệp	"	415	29.89	31.00	313.54	30.82	316.93	103.72	125.60	98.93	75.55
	+ Công nghiệp	"	1,490	108.02	113.00	994.42	89.00	1,139.99	104.61	135.90	87.23	66.74
	+ Thương mại	"	79	7.07	7.50	65.45	5.68	57.49	106.05	259.64	113.85	82.85
	+ Quản lý dân cư	"	1,088	100.25	105.00	897.78	76.52	805.08	104.74	139.06	111.51	82.52
	+ Tiêu dùng khác	"	106	8.29	8.50	83.36	7.76	78.70	102.55	136.07	105.93	78.64



